

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 37-TC/CĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 10 năm 1989

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn xử lý kết quả thừa, thiếu tài sản trong kiểm kê và kế toán kết quả
kê và đánh giá lại vốn sản xuất kinh doanh theo Quyết định 101/HĐBT của Hội
đồng Bộ trưởng**

Thi hành quyết định số 101/HĐBT ngày 01/8/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc
tiến hành kiểm kê và đánh giá lại vốn sản xuất kinh doanh, Bộ Tài chính hướng dẫn
một số điểm về xử lý và kế toán kết quả qua kiểm kê và đánh giá lại vốn sản xuất
kinh doanh như sau:

**1. Nội dung và trình tự xử lý kết quả thừa, thiếu tài sản trong kiểm kê và đánh giá lại
vốn sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả kiểm kê và đánh giá lại vốn tài sản cố định, tài sản lưu động của các xí
nghiệp phải được các cơ quan quản lý trực tiếp là Bộ, Tổng cục chủ quản và Bộ Tài
chính (đối với xí nghiệp địa phương) kiểm tra, xác nhận số liệu, chuẩn bị cho việc
làm thủ tục bàn giao tài sản và vốn cho xí nghiệp quản lý, sử dụng.
- Các cơ quan tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các ngành,
địa phương và xí nghiệp thực hiện kiểm kê và đánh giá lại vốn theo đúng yêu cầu,
nội dung của đợt kiểm kê, và căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm kê của các xí nghiệp
để xác nhận số lượng, chất lượng, hiện trạng sử dụng và giá trị của từng thứ, từng
loại TSCĐ, TSLĐ và việc phân chia các nguồn vốn của toàn bộ tài sản hiện có của xí
nghiệp; cụ thể:

a) Về tài sản cố định và nguồn vốn cố định:

Căn cứ vào bảng kê số 01, 02, 03 và 04 BKK/TSCĐ để kiểm tra, xác nhận và biện
pháp xử lý.

- Đối với TSCĐ thừa, thiếu trong kiểm kê phải xác định đúng nguyên nhân và biện pháp xử lý.

+ Nếu TSCĐ thừa do nhầm lẫn chưa ghi sổ thì được điều chỉnh lại sổ sách; nếu thừa TSCĐ của đơn vị khác thì bán trả lại cho đơn vị chủ tài sản đó ghi sổ . . .

+ Nếu TSCĐ thiếu do ghi nhầm lẫn thì được điều chỉnh lại sổ sách; nếu thiếu do cá nhân hoặc đơn vị gây ra thì phải bồi thường . . .

- Đối với TSCĐ thực có trong kiểm kê thuộc nguồn vốn ngân sách cấp và nguồn vốn tự có thì phải kiểm tra đúng nguyên giá theo sổ sách và theo giá thực tế hiện hành; đúng giá trị với TSCĐ không cần dùng và chờ thanh lý thuộc nguồn vốn ngân sách cấp và nguồn vốn tự có phải xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan để chấp nhận hay không chấp nhận việc xí nghiệp trả lại ngân sách các TSCĐ đó. . .

Đối với TSCĐ thực có trong kiểm kê mà không xác định rõ nguồn vốn mua sắm thì thống nhất tính vào nguồn vốn ngân sách cấp. Nếu sau này xác định lại rõ nguyên nhân thì điều chỉnh lại sau .

b) Về tài sản lưu động và nguồn vốn lưu động:

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm kê vật tư, hàng hoá thành phẩm và công cụ lao động (biểu số 04 KK/CS) báo cáo kết quả kiểm kê vốn bằng tiền, chi phí sản xuất và vốn trong thanh toán (biểu số 05 KK/CS) và báo cáo cân đối vốn, nguồn vốn (biểu số 06 KK/CS) để kiểm tra các số liệu sau đây:

- Đối với vật tư, hàng hoá, thành phẩm, vốn bằng tiền . . . thừa thiếu trong kiểm kê thì phải xác định đúng nguyên nhân và biện pháp xử lý:

+ Nếu vật tư, hàng hoá thừa do nhầm lẫn do chưa trả đủ thủ tục hoặc chưa ghi sổ . . . thì được điều chỉnh lại sổ sách; nếu vật tư hàng hoá thừa thuộc sở hữu của đơn vị khác thì báo cho đơn vị chủ tài sản biết để ghi sổ . . .

+ Nếu vật tư, hàng hoá . . . thiếu do nhầm lẫn hoặc ghi sổ trùng lặp . . . thì được điều chỉnh lại sổ sách ; nếu thiếu do cá nhân hoặc đơn vị khác gây ra thì đòi bồi thường, thiếu do khách quan hoặc do trình độ quản lý thì tính thêm vào giá thành sản phẩm, phí lưu thông . . .

- Đối với vật tư, hàng hoá . . . thực có trong kiểm kê thì phải kiểm tra số lượng, giá trị theo sổ sách và số lượng, chất lượng, hiện trạng sử dụng, giá trị theo giá thực tế kiểm kê của từng thứ vật tư, hàng hoá, thành phẩm, vốn bằng tiền, chi phí sản xuất, nợ phải thu của đơn vị. Đối với vật tư, hàng hoá, thành phẩm hư hỏng, kém, mất phần chất, ứ đọng chậm luân chuyển; công nợ không có khả năng thu . . . phải xác định rõ nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý.

- Đối với nguồn vốn lưu động: trong kiểm kê phải kiểm tra, đối chiếu khớp với số liệu quyết toán trong bảng tổng kết tài sản ngày 31/12/1989.

c) Trong quá trình kiểm tra để xác nhận số liệu kết quả kiểm kê nói trên, cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính có thể kiểm tra, rà soát lại tình hình biến động, tăng giảm TSCĐ nguồn vốn cố định, nguồn vốn lưu động của đơn vị kiểm kê trong các kỳ báo cáo trước thời điểm kiểm kê. Đồng thời phải đối chiếu số liệu kết quả kiểm kê bảo đảm khớp đúng với bảng tổng kết tài sản ngày 31/12/1989 và các báo cáo quyết khác của đơn vị.

2. Kế toán các khoản thừa, thiếu tài sản .

a) Kế toán tài sản cố định thừa

Tài sản cố định thừa phát hiện trong kiểm kê (nêu tại mục a, điểm 1) phải xác định rõ nguyên nhân từng trường hợp và tổng hợp vào báo cáo kiểm kê được thủ trưởng đơn vị duyệt y, kế toán căn cứ vào báo cáo kiểm kê được thủ trưởng đơn vị duyệt y, kế toán căn cứ vào biên bản kiểm kê xác định số tài sản cố định thừa, để ghi:

Nợ TK: 01

Có TK: 85 (85.1)

+ Nếu là tài sản cố định sử dụng thì căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ hao mòn thực tế, xác định số khấu hao trong thời gian sử dụng để tính thêm vào giá thành hoặc phí lưu thông, ghi:

Nợ các tài khoản chi phí sản xuất hoặc phí lưu thông

Có TK: 86

Đồng thời hạch toán giá trị hao mòn TSCĐ theo số khấu hao cơ bản để xác định, ghi:

Nợ TK: 85 (85.1)

Có TK: 02

+ Nếu TSCĐ thừa phát hiện trong kiểm kê được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì kế toán căn cứ vào tài liệu kiểm kê hạch toán vào tài khoản ngoài bảng tổng kết tài sản để theo dõi và báo cho đơn vị chủ tài sản.

b) Kế toán TSCĐ thiếu phát hiện trong kiểm kê

TSCĐ thiếu phát hiện trong kiểm kê phải được xác định nguyên nhân, người chịu trách nhiệm và xử lý theo đúng chế độ nguyên tắc, đồng thời lập bản giải trình để cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan tài chính xem xét quyết định khi kiểm tra xét duyệt báo cáo kết quả kiểm kê. Trong khi chờ đợi giải quyết, kế toán căn cứ vào biên bản kiểm kê TSCĐ thiếu đã được thủ trưởng đơn vị duyệt y.

Kế toán ghi:

+ Nợ TK: 85 (85.1)

Có TK: 01 - Theo nguyên giá TSCĐ

+ Nợ TK: 02 - theo số khấu hao cơ bản đã trích

Có TK: 85 (85.1)

Đồng thời chuyển giá trị còn lại (nguyên giá - khấu hao cơ bản đã trích) của TSCĐ thiếu, ghi:

Nợ TK: 84 (84.1)

Có TK: 85 (85.2)

Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào quyết định, ghi:

+ Nếu người phạm lỗi bồi thường ghi:

Nợ TK: 75

Có TK: 84 (84.1)

+ Nếu được giảm vốn ghi:

Nợ TK: 85 (85.2)

Có TK: 84 (84.1)

+ Nếu đưa vào lỗ, ghi:

Nợ TK: 99